TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 122/2024/HNGĐ-ST Ngày: 31 – 12 – 2024 V/v "Tranh chấp xin ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm.

Ông Đào Văn Tươi.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh C.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh Nh tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R, huyện N, tỉnh C vào ngày 27/10/2020. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình tình không phù hợp, sống với nhau không cảm thấy hạnh phúc, nguyên nhân là ông Nh thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, không lo lắng cho vợ con. Gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh Nh.

Về con chung: Bà và ông Nh có 01 người con chung tên Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 30/4/2021. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Nguyễn Minh Nh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Nh vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bà T có mặt, bà vẫn bảo lưu quan điểm yêu cầu được ly hôn với ông Nh; yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Minh Nh, địa chỉ: Khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Minh Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên ông Nh vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông Nh tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Minh Nh tự nguyện chung sống vào năm 2020, và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R, huyện N, tỉnh C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 27/10/2020, do đó hôn nhân giữa bà T và ông Nh là hợp pháp. Bà T trình bày trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, ông Nh thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, không quan tâm đến gia đình, vợ con nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nh. Ông Nh đã được Toà án tống đạt thông báo về việc bà T xin ly hôn, tuy nhiên ông Nh vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi. Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông Nh là thực tế có xảy ra. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử bà T và ông Nh vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau. Xét thấy, hôn nhân của bà T và ông Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Minh Nh theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông Nh có 01 người con chung tên Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 30/4/2021. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông Nh đã được Toà án thông báo về yêu cầu giải quyết

việc nuôi con của bà T, tuy nhiên ông không có ý kiến phản hồi. Mặt khác, từ khi bà T và ông Nh ly thân đến nay, cháu Minh Kh do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường về mọi mặt của cháu Minh Kh nên cần giao cháu Nguyễn Minh Kh cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Nh không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[4] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng. Bà T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015138 ngày 07 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Minh Nh.

Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 30/4/2021 cho bà Nguyễn Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu xem xét.

Ông Nh không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà T.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng. Bà T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015138

ngày 07 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh C;
- UBND TT.R, huyện N;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Dung